UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
XỔ SỐ KIẾN THIẾT THỦ ĐÔ
----------***----------
Số: 605 /CV-XSKT
v/v "Đánh giá tình hình tài chính 6 tháng đầu năm 2022"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
----------o0o----------
Hà nội, ngày 29 tháng 07 năm 2022

Kính gửi: **- Sở tài chính Hà nội (Chi cục tài chính doanh nghiệp)**
- Sở Kế hoạch và Đầu tư
- Sở Nội vụ
- Sở Lao động – Thương binh và Xã hội
- Cục Thuế thành phố Hà nội

Căn cứ Nghị định số 87/2015/NĐ-CP ngày 06/10/2015 của Chính phủ về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp; giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp, giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước;

Công ty xin báo cáo giám sát tài chính 6 tháng đầu năm 2022 như sau:

1. Hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Tổng doanh thu thực hiện là 248.754 triệu đồng, bằng 77,46% so với cùng kỳ năm 2021 (321.147 triệu đồng) và đạt 49,75% chỉ tiêu kế hoạch giao năm 2021 (500.000 triệu đồng).

- Lợi nhuận sau thuế là 1.698 triệu đồng, bằng 20,51% so với cùng kỳ năm 2021 (8.279 triệu đồng) và đạt 18,86% chỉ tiêu kế hoạch giao năm 2021 (9.000 triệu đồng).

- Tổng chi phí thực hiện là 246.632 triệu đồng, giảm 64.166 triệu đồng, bằng 79,35% so với cùng kỳ năm 2021 (310.798 triệu đồng). Trong đó

+ Chi phí sản xuất kinh doanh là 204.979 triệu đồng.

+ Chi phí quản lý là: 41.653 triệu đồng (là chi phí quản lý doanh nghiệp, Công ty không có chi phí bán hàng).

+ Chi phí tài chính và chi phí khác là: 0 triệu đồng.

2. Tình hình tài chính doanh nghiệp

- Khả năng sinh lời: tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE) là 1,98%(=1.698 triệu đồng/85.697 triệu đồng), giảm 7,87% so với cùng kỳ năm 2021 (9,85%); tỷ suất lợi nhuận sau thuế/tổng tài sản (ROA) đạt 0,9% (=1.698 triệu đồng/187.976 triệu đồng) giảm 3,42% so với cùng kỳ năm 2021 (4,32%).

- Khả năng thanh toán nợ đến hạn của Công ty là 2,89 lần (93.590 triệu đồng/32.416 triệu đồng).

- Các chỉ tiêu cân đối nợ và chỉ tiêu hoạt động.

+ Hệ số nợ phải trả/tổng tài sản: 0,54 lần (=102.278 triệu đồng/187.976 triệu đồng).

+ Hệ số nợ phải trả/vốn chủ sở hữu: 1,19 lần(=102.278 triệu đồng/85.698 triệu đồng).

+ Hệ số bảo toàn vốn: 1(=85.698 triệu đồng/85.698 triệu đồng).

+ Tỷ suất lợi nhuận thực hiện/tổng doanh thu: 0,68% (=1.698 triệu đồng/248.754 triệu đồng).

- Cơ cấu tài sản, nguồn vốn:

+ Về cơ cấu tài sản: tại thời điểm 30/06/2022 tổng tài sản là 187.976 triệu đồng; trong đó: tài sản ngắn hạn là 93.590 triệu đồng, chiếm 49,79% tổng tài sản, chủ yếu là đầu tư tài chính ngắn hạn 53.000 triệu đồng; tài sản dài hạn là 94.386 triệu đồng, chiếm 50,21% tổng tài sản, trong đó chủ yếu là tài sản cố định với giá trị còn lại là 89.089 triệu đồng.

+ Về cơ cấu nguồn vốn: tại thời điểm 30/06/2022 tổng nguồn vốn là 187.976 triệu đồng, trong đó: nợ phải trả là 102.278 triệu đồng, chiếm 54,41% tổng nguồn vốn, chủ yếu là nợ dài hạn 69.863 triệu đồng; vốn chủ sở hữu là 85.698 triệu đồng, chiếm 45,59% tổng nguồn vốn, bao gồm: vốn đầu tư của chủ sở hữu là 83.940 triệu đồng, quỹ đầu tư phát triển 60 triệu đồng, LNCL chưa phân phối trong kỳ là 1.698 triệu đồng.

3.Tình hình quản lý, sử dụng vốn và tài sản

a. Tình hình đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, liên doanh và đầu tư dài hạn khác.

Công ty không có hoạt động đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, liên doanh và đầu tư dài hạn khác.

b. Tình hình đầu tư tài sản:

Trong kỳ, Công ty không có dự án đầu tư hoàn thành và không mua sắm mới tài sản cố định

c. Tình hình huy động vốn và sử dụng vốn huy động:

Trong kỳ, Công ty không huy động vốn từ các tổ chức tín dụng và các tổ chức, cá nhân.

d. Tình hình quản lý tài sản, công nợ phải thu, công nợ phải trả:

- Quản lý tài sản:

+ Tổng tài sản tại thời điểm 30/06/2022 là 187.976 triệu đồng, trong đó tài sản ngắn hạn là 93.590 triệu đồng, tài sản dài hạn là 94.386 triệu đồng.

+ Trong 6 tháng đầu năm 2022, Công ty có đưa vào sử dụng tài sản cố định 6.434 triệu đồng; thực hiện trích khấu hao tài sản trong kỳ 3.728 triệu đồng.

- Quản lý nợ phải thu, phải trả:

+ Công ty đã ban hành Quy chế quản lý nợ; định kỳ thực hiện rà soát, đối chiếu công nợ và trích lập công nợ theo quy định.

+ Nợ phải thu: tổng số nợ phải thu đến 30/06/2022 là 3.614 triệu đồng, chủ yếu là nợ phải thu ngắn hạn 3.530 triệu đồng; nợ phải thu dài hạn 84 triệu đồng trong đó không có nợ phải thu khó đòi.

+ Nợ phải trả: tổng số nợ phải trả đến 30/06/2022 là 102.278 triệu đồng; trong đó nợ ngắn hạn là 32.415 triệu đồng, nợ dài hạn là 69.863 triệu đồng (chủ yếu là dự phòng rủi ro trả thưởng 49.007 triệu đồng). Công ty không có nợ phải trả quá hạn.

e. Tình hình đầu tư ra nước ngoài

Trong 6 tháng đầu năm 2022, Công ty TNHH một thành viên Xổ số kiến thiết Thủ đô không thực hiện đầu tư ra nước ngoài.

4. Tình hình chấp hành chế độ chính sách

Tình hình tuân thủ và chấp hành các quy định về chính sách thuế, về chính sách tiền lương và các chính sách khác; tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước.

a.Tình hình tuân thủ và chấp hành các quy định về chính sách thuế, về chính sách tiền lương và các chinh sách khác:

*- Việc mở, ghi chép, hạch toán trên sổ sách kế toán, việc lưu trữ hồ sơ kế toán theo đúng quy định:*Công ty mở, ghi chép, hạch toán trên sổ sách kế toán; lưu trữ hồ sơ kế toán theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

- Việc chấp hành quy định các Luật thế (GTGT, TNDN, TNCN, khác):Công ty thực hiện đúng thời gian kê khai và nộp thuế.

- Việc chấp hành quy định về in, phát hành, quản lý, sử dụng hóa đơn: Công ty thực hiện theo đúng Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ và Thông tư số 78/2021/TT-BTC ngày 17/9/2021 của Bộ Tài chính quy định, hướng dẫn về hoá đơn, chứng từ.

+ Kết quả thanh tra, kiểm tra và kết quả xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn (nếu có): không.

+ Kết quả thực hiện nghĩa vụ NSNN sau khi nhận được Kết luận Thanh tra, Quyết định xử phạt vi phạm hành chính sau thanh tra, kiểm tra của Cơ quan thuế: Không phát sinh.

b. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước

Công ty có số phải nộp năm trước chuyển sang là 7.478 triệu đồng, số phát sinh thuế và các khoản phải nộp nhà nước 6 tháng đầu năm 2022 là 68.385 triệu đồng, số đã nộp 6 tháng đầu năm 2022 là 67.734 triệu đồng, số còn phải nộp chuyển kỳ sau là 8.128 triệu đồng.

Lợi nhuận còn lại năm trước chuyển sang phải thu của NN 1.506 Triệu đồng, không phát sinh số phải nộp, đã nộp trong 6 tháng đầu năm 2022, số còn phải thu chuyển kỳ sau là 1.506 Triệu đồng

5. Tình hình thực hiện nghĩa vụ công ích.

Công ty không thực hiện cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích.

6. Tình hình thực hiện các kiến nghị trước đó của Chủ sở hữu/Kiểm soát viên/Kiểm toán Thanh tra/cơ quan quản lý tài chính doanh nghiệp.

6 tháng đầu năm 2022, Công ty không có kiến nghị của Chủ sở hữu/Kiểm soát viên/Kiểm toán Thanh tra/ cơ quan quản lý tài chính doanh nghiệp

Trên đây là nội dung Báo cáo giám sát tài chính 6 tháng đầu năm 2022 của Công ty TNHH một thành viên Xổ số kiến thiết Thủ đô. Số liệu trong báo cáo được thể hiện ở các bảng biểu dưới đây.

a. Tình hình đầu tư và huy động vốn để đầu tư vào các dự án hình thành TSCĐ và XDCB 6 tháng năm 2022.(Biểu số 02.A)

b. Tình hình sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính 6 tháng năm 2022 (Biểu số 02.C)

c. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước 6 tháng năm 2022 (Biểu số 02.Đ-mẫu A)

d. Tình hình trích lập và sử dụng các quỹ 6 tháng năm 2022 (Biểu số 02.Đ-mẫu B)

Nơi nhận:
-nt
-Lưu phòng TCHC

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Thuỷ

Công ty TNHH một thành viên XSKT Thủ đô
53E Hàng Bài - Hoàn Kiếm - Hà Nội

Biểu số 02.A

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ HUY ĐỘNG VỐN ĐỂ ĐẦU TƯ VÀO CÁC DỰ ÁN HÌNH THÀNH TSCĐ VÀ XDCB

Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

ĐVT: triệu đồng

TT	Tên dự án	Quyết định phê duyệt	Tổng mức vốn đầu tư					Thời gian đầu tư theo kế hoạch	Giá trị khối lượng thực hiện đến ngày 30/06/2022			Giải ngân đến ngày 30/06/2022			Giá trị tài sản đã hình thành và đưa vào sử dụng
			Tổng	Vốn chủ sở hữu	%	Vốn huy động	%		Kỳ trước chuyển sang	Thực hiện trong kỳ	Thực hiện đến hết ngày	Kỳ trước chuyển sang	Thực hiện trong kỳ	Thực hiện đến hết ngày	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	13	14	15	16	17	18	19
1	Sửa chữa, cải tạo văn phòng làm việc Chi nhánh XSKT Ba Đình	31/QĐ-XSKT	603	V.tự có						603			603		548

Người lập biểu

Phạm Thị Thủy

Kế toán trưởng

Phạm Thanh Thủy

Chủ tịch

M.S.D.N:0100110817-C.T.N.H.H
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT THỦ ĐÔ
Q.HOÀN KIẾM-TP.HÀ NỘI

Nguyễn Thị Thủy

Công ty TNHH một thành viên xổ số KTTĐ
53E Hàng Bài - Hoàn Kiếm - Hà Nội

Biểu số 02.C

TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2022

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ tài chính)

ĐVT: tr.đồng

Nội dung	Cùng kỳ 6 tháng đầu năm 2020	Cùng kỳ 6 tháng đầu năm 2021	Thực hiện năm 2022		Biến động so với (tỷ lệ %)		
			Kế hoạch năm 2022	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2022	6 thángđầu Năm 2020	6 tháng đầu Năm 2021	Kế hoạch 2022
	1	2	3	4	5=4/1	6=4/2	7=4/3
A. Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh							
1. Sản lượng sản xuất SP chủ yếu							
2. Sản lượng tiêu thụ SP chủ yếu							
3. Tồn kho cuối kỳ							
B. Chỉ tiêu tài chính							
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	290.170	368.673	572.019	285.121	98,26%	77,34%	49,84%
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	37.528	47.857	74.135	36.939	98,43%	77,19%	49,83%
3. DT thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	252.642	320.816	497.884	248.182	98,23%	77,36%	49,85%
4. Giá vốn hàng bán	202.713	267.548		204.978	101,12%	76,61%	
5. LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	49.929	53.268		43.204	86,53%	81,11%	
6. Doanh thu hoạt động tài chính	1.124	242	1.966	499	44,40%	206,20%	25,38%
7. Chi phí tài chính	41	4		-			
8. Chi phí bán hàng							
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	60.326	43.241		41.654	69,05%	96,33%	
10. LN thuần từ hoạt động kinh doanh	(9.314)	10.265		2.049	-22,00%	19,96%	
11. Thu nhập khác	97	88	150	73	75,26%	82,95%	48,67%
12. Chi phí khác	101	5		-			
13. Lợi nhuận khác	(4)	83		73	-1825,0%	88,0%	
14. Tổng lợi nhuận trước thuế	(9.318)	10.348	11.250	2.122	-22,77%	20,51%	18,86%
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành		2.070	2.250	424			18,84%
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại							
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	(9.318)	8.278	9.000	1.698	-18,22%	20,51%	18,87%

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Chủ tịch
Phạm Thị Thủy	*Phạm Thanh Thủy*	*Nguyễn Thị Thủy*

Công ty TNHH một thành viên XSKT Thủ đô
53E Hàng Bài - Hoàn Kiếm - Hà Nội

Biểu số 02.Đ-Mẫu A

A. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 6 THÁNG NĂM 2022

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Số còn phải nộp năm trước chuyển sang	Số phát sinh phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số còn phải nộp chuyển sang kỳ sau
TỔNG (1+2+3)	**5.971**	**68.385**	**67.734**	**6.622**
Tổng (1+2)	**7.477**	**68.385**	**67.734**	**8.128**
1. Thuế	**1.623**	**27.655**	**26.716**	**2.562**
- Thuế GTGT	3.305	27.231	26.716	3.820
- Thuế TNDN	-1.682	424	0	-1.258
- Thuế Xuất, nhập khẩu				
- Thuế đất				0
- Các khoản thuế khác				0
2. Các khoản phải nộp khác	**5.854**	**40.730**	**41.018**	**5.566**
- Phí, lệ phí				0
- Các khoản phải nộp khác				0
+ Tiêu thụ đặc biệt	5.617	36.939	37.142	5.414
+ TNCN từ liền công, tiền lương	-8	161	156	-3
+ TNCN (từ HĐKDXS đại lý)	53	243	263	33
+ TNCN từ người trúng thưởng	292	3.370	3.440	222
+ Nhà thầu	-100			-100
+ Môn bài		17	17	
3. Nộp Ngân sách nhà nước (Quỹ Hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp) phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp theo quy định	-1.506			-1.506

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Chủ tịch
Phạm Thị Thủy	Phạm Thanh Thủy	Nguyễn Thị Thủy

Công ty TNHH một thành viên xổ số KTTĐ **Biểu số 02.Đ-mẫu B**

53E Hàng Bài - Hoàn Kiếm - Hà Nội

B.TÌNH HÌNH TRÍCH LẬP VÀ SỬ DỤNG CÁC QUỸ 6 THÁNG NĂM 2022

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ tài chính)

ĐVT: tr. đ

Chỉ tiêu	Dư đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Dư cuối kỳ
1. Quỹ đầu tư phát triển	60			60
2. Quỹ khen thưởng phúc lợi	15.340	2	3.443	11.899
3. Quỹ thưởng viên chức QLDN	215			215
4. Quỹ hỗ trợ sắp xếp DN				0
5. Quỹ đặc thù khác (nếu có)				0

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Chủ tịch
Phạm Thị Thủy	*Phạm Thanh Thủy*	*Nguyễn Thị Thủy*

M.S.D.N:0100110817 CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT THỦ ĐÔ Q.HOÀN KIẾM-TP.HÀ NỘI